

Số: 28/2012/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét Tờ trình số 3122/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Nghị quyết về cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng *(có nội dung chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế các Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông qua cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 28/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 về việc thông qua cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 về việc thông qua cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XV kỳ họp thứ 5 thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hà Ngọc Chiến

CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Cơ chế chính sách này quy định ưu đãi về hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh, bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bao gồm cả đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sẽ được đảm bảo các quyền cơ bản: Quyền tự chủ đầu tư, kinh doanh; quyền tiếp cận và sử dụng nguồn vốn tín dụng đất đai, tài nguyên; quyền thuê, sử dụng lao động và thành lập tổ chức công đoàn; quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư; quyền mua, bán hàng hóa với thị trường nội địa; quyền mua ngoại tệ; quyền tiếp cận quỹ đất, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; quyền tiếp cận, sử dụng các dịch vụ và tiện ích công cộng; quyền tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách chung của Nhà nước, của địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư theo đúng nội dung và văn bản đăng ký đầu tư, nội dung giấy chứng nhận đầu tư; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, quy định về kế toán, kiểm toán và thống kê; thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người lao động; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm: Về tính chính xác, trung thực của nội

dung văn bản đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và tính hợp pháp của các văn bản trong hồ sơ dự án đầu tư; báo cáo về hoạt động đầu tư theo quy định hiện hành, đồng thời tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo; có trách nhiệm cung cấp các văn bản, tài liệu thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và các giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư, điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư

1. Dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, nếu thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, được quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư thì được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành về đầu tư. Ngoài ra còn được hưởng thêm các ưu đãi của tỉnh quy định tại cơ chế, chính sách này.

2. Dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nếu không thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi đầu tư đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Các dự án đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực: Khai thác, chế biến khoáng sản và dịch vụ thương mại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nếu không thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc ưu đãi đầu tư theo quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ thì được hưởng các ưu đãi đầu tư có thời hạn theo quy định đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

4. Đối với nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Điều kiện được hưởng ưu đãi:

a) Khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu phải nằm trong danh mục quy hoạch phát triển khu công nghiệp của tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhà đầu tư có đủ các điều kiện đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được quy định tại Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

Chương II

CÁC ƯU ĐÃI ĐƯỢC HƯỞNG

Mục 1

ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT, MẶT NƯỚC

Điều 5. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

Những dự án sử dụng đất vào xây dựng nhà chung cư (không vì mục đích kinh doanh) cho người lao động ở các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu hoặc một vị trí nào khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được miễn tiền thuê đất suốt thời gian dự án hoạt động.

Điều 6. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước có thời hạn

Kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, được hưởng các ưu đãi về đất đai và mặt nước như sau:

1. Miễn 03 (ba) năm đối với dự án phải thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời của cấp có thẩm quyền phê duyệt do ô nhiễm môi trường.

2. Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Cao Bằng thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

3. Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Cao Bằng thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

4. Miễn 02 (hai) năm đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thuộc lĩnh vực chế biến khoáng sản, dịch vụ thương mại.

Các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, trừ các dự án khai thác khoáng sản thông thường làm vật liệu xây dựng.

5. Đối với các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do Nhà nước đầu tư hạ tầng thì được ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án, nhưng không quá 24 tháng;

b) Miễn tiền thuê đất 24 tháng kể từ khi dự án hoàn thành xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động.

Điều 7. Thời điểm tính tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Thời điểm bắt đầu tính tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp thời điểm bàn giao đất, mặt nước trên thực địa không đúng với thời điểm ghi trong quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước thì thu tiền thuê đất, mặt nước theo thời điểm bàn giao đất, mặt nước.

2. Trường hợp người được Nhà nước cho thuê đất thực hiện ứng trước tiền

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền thuê đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức được trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại chưa được trừ vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có) được tính vào vốn đầu tư dự án.

Điều 8. Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh đối với hợp tác xã, ngoài được hưởng các ưu đãi về thời gian miễn tiền thuê đất quy định tại Điều 6 của cơ chế chính sách này còn được giảm 50% số tiền thuê đất phải nộp.

2. Thuê đất, mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% giá trị sản lượng thì được xét giảm tiền thuê đất tương ứng phần trăm (%) giá trị sản lượng thiệt hại; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đất đối với năm bị thiệt hại.

3. Đối với các nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu thì được hưởng ưu đãi về đất đai như sau:

a) Nếu nhà đầu tư thuê đất mà nộp toàn bộ tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê, thì được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp tính từ thời điểm bàn giao đất;

b) Nếu nhà đầu tư nộp tiền thuê đất một lần cho 10 năm thì được giảm 15 % tiền thuê đất.

4. Nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được:

a) Xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;

b) Định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; định mức chi phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ kỹ thuật khác trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; định giá cho thuê, giá bán nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và định mức chi phí dịch vụ;

c) Thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất và cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Điều 9. Áp dụng đơn giá thuê đất, mặt nước

1. Các dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thuê đất, mặt nước, trả tiền thuê đất, mặt nước hàng năm thì đơn giá thuê đất, mặt nước một năm tính bằng 1,5% giá đất, mặt nước theo mục đích sử dụng đất, mặt nước thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

Trường hợp giá đất, mặt nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặt nước thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặt nước thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp.

2. Đơn giá thuê đất, mặt nước trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, mặt nước thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, mặt nước thuê là đơn giá trúng đấu giá, cụ thể như sau:

a) Đấu giá quyền sử dụng đất, mặt nước thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, mặt nước thuê đối với hình thức trả tiền thuê đất, thuê mặt nước một lần cho cả thời hạn thuê đất, mặt nước thì đơn giá thuê đất, mặt nước là đơn giá trúng đấu giá. Số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp trong trường hợp này là đơn giá trúng đấu giá nhân (x) với diện tích đất, mặt nước thuê nhân (x) với thời hạn thuê đất, mặt nước (bằng với số tiền sử dụng đất, mặt nước phải nộp và tương ứng như trường hợp đấu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất, mặt nước);

b) Đấu giá quyền sử dụng đất thuê, mặt nước thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê, mặt nước thuê đối với hình thức trả tiền thuê đất, mặt nước hàng năm thì đơn giá thuê đất, mặt nước là đơn giá trúng đấu giá; đơn giá này được ổn định trong 10 năm, hết thời gian ổn định, việc điều chỉnh đơn giá thuê đất, mặt nước áp dụng như trường hợp Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền thuê đất, mặt nước hàng năm không theo hình thức đấu giá nhưng mức điều chỉnh của thời kỳ ổn định 10 năm tiếp theo không vượt quá 30% đơn giá thuê đất, thuê mặt nước của kỳ ổn định trước.

3. Đối với đất thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ thì căn cứ vào thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá thuê đất tối đa không quá hai (02) lần đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với đất ở vùng sâu, vùng xa, núi cao biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự

án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc đặc biệt ưu đãi đầu tư thì căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá thuê đất tối thiểu không dưới 0,5 lần đơn giá thuê đất quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì số tiền thuê đất phải nộp được tính bằng với số tiền sử dụng đất phải nộp như trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất có cùng mục đích sử dụng đất và cùng thời hạn sử dụng đất.

6. Đối với các nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu thì đơn giá tiền thuê đất được tính như sau:

a) Đơn giá thuê đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật là 0,45 % giá đất/m²/năm;

b) Đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê là đơn giá trúng đấu giá.

7. Đối với các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng thì đơn giá cho thuê đất được tính như sau:

a) Giá cho thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê sẽ được giảm 30% giá cho thuê đất/m²/năm;

b) Giá cho thuê đất trả hàng năm là 100% giá cho thuê đất/m²/năm theo quy định hiện hành;

c) Đối với các dự án hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tính nộp phí sử dụng hạ tầng là 30% theo giá thuê đất/m²/năm.

Điều 10. Thời gian ổn định đơn giá thuê đất, mặt nước

Đơn giá cho thuê đất, mặt nước của mỗi dự án được ổn định 05 (năm) năm. Đơn giá tính cho mỗi lần 05 năm tiếp theo dựa trên đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm đó.

Mục 1

ƯU ĐÃI TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG

Điều 11. Tạo điều kiện vay vốn, huy động vốn

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ "Về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước" thì được hưởng các ưu đãi: Tín dụng đầu tư của Nhà nước (cho vay đầu tư; hỗ trợ sau đầu tư; bảo lãnh tín dụng đầu tư); tín dụng xuất khẩu (cho vay xuất khẩu; bảo lãnh tín dụng xuất khẩu; bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng); bảo đảm tiền vay, trả nợ vay và xử lý rủi ro do tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu.

2. Khuyến khích các nhà đầu tư huy động vốn từ các nguồn vốn hợp pháp không trái với quy định của pháp luật Việt Nam như: Hợp đồng liên doanh; hợp đồng hợp tác kinh doanh; trực tiếp góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

Điều 12. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư

Được ngân sách hỗ trợ 30% chi phí xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm đối với những sản phẩm có tính đặc thù của tỉnh; đối với những sản phẩm có tính cạnh tranh cao thì ngân sách hỗ trợ 50 % chi phí xây dựng chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho sản phẩm.

Điều 13. Hỗ trợ đào tạo

1. Nhà đầu tư được tỉnh hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo công nhân đến bậc thợ (3/7) với điều kiện:

- a) Mức chi cho 01 lao động đào tạo nghề theo quy định hiện hành;
- b) Lao động là người địa phương, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cao Bằng;
- c) Có hợp đồng cam kết của người sử dụng lao động với trường nghề hoặc các trung tâm dạy nghề của tỉnh và cam kết của người được đào tạo;

2. Đối với đào tạo công nhân tại các trường nghề hoặc các trung tâm dạy nghề trong nước (ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng), kinh phí hỗ trợ đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí đào tạo nghề, được ngân sách bố trí theo kế hoạch hàng năm.

Điều 14. Thuế suất ưu đãi và thời gian áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi

1. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 (mười lăm) năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh (trừ các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 điều này). Hết thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi quy định tại Điểm này, cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

2. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa) được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 50% trong suốt thời gian hoạt động. Tài nguyên quý hiếm khác quy định tại khoản này bao gồm: Bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý,

đất hiếm".

Điều 15. Miễn thuế, giảm thuế

1. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được miễn thuế bốn (4) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo (trừ các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 điều này).

2. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến khoáng sản, dịch vụ thương mại được miễn hai (2) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo (trừ các dự án khai thác khoáng sản thông thương làm vật liệu xây dựng).

3. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản không được miễn thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ các dự án khai thác khoáng sản thông thương làm vật liệu xây dựng).

Điều 16. Cơ sở kinh doanh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các phần thu nhập có được trong các trường hợp

1. Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

2. Đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thu nhập từ kinh doanh sản phẩm sản xuất thử nghiệm và thu nhập từ sản xuất sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam, thời gian miễn thuế tối đa không quá 01 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất sản phẩm theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, sản xuất thử nghiệm hoặc sản xuất theo công nghệ mới.

3. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 51% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV.

4. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tệ nạn xã hội.

5. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hoá, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

Điều 17. Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Điều 13 chương II của Nghị

định 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan Hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định, chứng nhận thì được xét giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hoá. Cơ quan Hải quan căn cứ vào số lượng hàng hoá bị mất mát và tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hoá đã được giám định, chứng nhận để xét giảm thuế.

3. Hàng hóa thuộc diện được hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được quy định tại Điều 15 Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Mục 3

HỖ TRỢ HẠ TẦNG, KỸ THUẬT

Điều 18. Hỗ trợ đầu tư, kết cấu hạ tầng

1. Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hỗ trợ khác có tính chất ngân sách đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng: Đường giao thông, cấp điện, cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước thải, đến chân ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Ngân sách hỗ trợ 100% vốn rà phá mìn, vật cản (nếu có).

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa triển khai thi công xây dựng thì phải điều chỉnh sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đầu tư theo quy định này.

2. Đối với các dự án khai thác khoáng sản, các dự án đầu tư vào dịch vụ thương mại kể cả các dự án đầu tư vào dịch vụ thương mại tại các cửa khẩu (trừ các dự án khai thác khoáng sản thông thường làm vật liệu xây dựng), thì phải sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đầu tư theo quy định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hà Ngọc Chiến